

SOAN BÀI:

SO SÁNH CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Biết so sánh các số có hai chữ số dựa vào cấu tạo của số có hai chữ số.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết ra số lớn nhất, số bé nhất trong nhóm các số.

3. Thái độ:

- Ham mê học toán.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: powerpoint, bảng phụ, sách giáo khoa, thẻ số, bông hoa tán thành/ không tán thành.
- Học sinh: bút, sách giáo khoa, thẻ tính, vở bài tập.

III. Các hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH
<p>1. Khởi động: Hát (1’)</p> <p>2. Bài cũ: (4’)</p> <p><u>Mục tiêu:</u> <i>Củng cố lại kiến thức đã học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Phương pháp: kiểm tra, đàm thoại. - GV gọi 2 HS đếm các số từ 71 đến 80. - Bạn nào cho cô biết số 82 gồm mấy chục? Mấy đơn vị? - Bạn nào cho cô biết số 69 gồm mấy chục? Mấy đơn vị? - GV nhận xét câu trả lời. <p><i>Chuyển ý: Qua phần kiểm tra bài cũ cô thấy cả lớp mình đã nắm được cấu tạo của số, cách viết số có hai chữ số. Vậy thì hôm nay cô trò chúng ta cùng nhau học bài học mới So sánh các số có hai chữ số.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhắc lại tựa bài. <p>3. Bài mới: (17’)</p> <p>a. <u>Giới thiệu bài:</u> So sánh các số có hai chữ số (1 phút).</p> <p>b. <u>Các hoạt động:</u></p> <p>Hoạt động 1: So sánh các số có hai chữ số.</p>	<p>- Hát</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Hình thức: cá nhân. - 2 HS đếm - 82 gồm 8 chục và 2 đơn vị. - 69 gồm 6 chục và 9 đơn vị. - HS lắng nghe. - HS nhắc lại theo dãy.

Mục tiêu: Giúp HS biết so sánh các số có hai chữ số dựa vào cấu tạo của số có hai chữ số.

- Phương pháp: đàm thoại, thực hành, trực quan.
- GV cho HS kiểm tra đồ dùng học tập: Các con hãy lấy que tính và bảng con. Hai bạn kế bên nhau hãy kiểm tra xem bạn mình đã mang đủ đồ dùng chưa?
 - GV cho cả lớp lấy que tính theo sự hướng dẫn: “ Các con lấy cho cô 6 chục que tính”.
 - GV quan sát cả lớp làm.
 - Tiếp theo các con lấy thêm 2 que tính rồi nữa, như vậy con lấy được bao nhiêu que tính?
 - GV cho HS viết bảng con.
 - GV cho HS giơ bảng, nhận xét.
 - GV tiếp tục cho HS lấy 65 que tính: “ Các con lấy cho cô 6 chục que tính, thêm 5 que tính nữa, vậy có tất cả bao nhiêu que tính?”
 - GV cho HS viết vào bảng con.
 - GV cho HS giơ bảng, nhận xét.
 - Bây giờ ta so sánh 62 que tính với 65 que tính ta thấy 62 que tính ít hơn hay nhiều hơn 65 que tính.
 - GV nhận xét câu trả lời.
 - GV viết 62, 65 lên bảng cho HS thuận tiện quan sát.
 - Số 62 gồm mấy chục và mấy đơn vị?
 - Số 65 gồm mấy chục và mấy đơn vị?
 - Bây giờ ta so sánh 62 và 65 ta thấy ở hàng chục đều là 6, nó đều bằng nhau thì so sánh sang hàng đơn vị là 2 đơn vị, 5 đơn vị. Vậy thì 2 so với 5 như thế nào?
 - Vậy ta điền dấu gì ?
 - GV cho HS điền dấu vào bảng con.
 - GV nhận xét.
 - Chúng ta so sánh ngược lại các con có thấy 65 que tính ít hay nhiều hơn 62 que tính?
 - Kết luận: Đều có 6 chục que tính, 5 que tính nhiều hơn 2 que tính nên 65 que tính nhiều hơn 62 que tính.

➤ Hình thức: cá nhân, lớp, nhóm.

- HS lắng nghe, làm theo hướng dẫn của GV.
- Cả lớp lấy que tính.
- HS trả lời 62 que tính.
- HS viết bảng con.
- HS giơ bảng.
- HS trả lời (3 -4 HS).
- HS viết bảng con.
- HS giơ bảng.
- Ít hơn (3 -4 HS trả lời).
- HS lắng nghe.
- Số 62 gồm 6 chục và 2 đơn vị.
- Số 65 gồm 6 chục và 5 đơn vị.
- HS lắng nghe.
- Bé hơn. (3 -4 HS trả lời).
- Dấu bé $62 < 65$ (1 – 2 HS trả lời).
- HS viết bảng con.
- HS lắng nghe.
- Nhiều hơn (2 – 3 HS trả lời).
- HS lắng nghe.

- Bây giờ chúng ta so sánh 65 với 62 ở hàng chục giống nhau hay khác nhau?
- Vậy thì ta tiếp tục so sánh sang hàng gì?
- Sau khi ta so sánh ở hàng đơn vị thì 5 đơn vị so với 2 đơn vị như thế nào?
- Vậy thì điền dấu lớn hay dấu bé 65 và 62?
- GV điền dấu
- Kết luận: Khi so sánh các số có hai chữ số ta so sánh chữ số hàng chục nếu chữ số hàng chục bằng nhau thì chúng ta so sánh sang hàng đơn vị, nếu chữ số ở hàng đơn vị nào bé hơn thì nó bé hơn, chữ số hàng đơn vị nào lớn hơn thì nó lớn hơn.

Chuyển ý: Cô cùng các con so sánh chữ số tiếp theo.

- GV yêu cầu cả lớp lấy 6 que tính thêm 3 que tính rồi nữa, có tất cả bao nhiêu que tính?
- GV nhận xét câu trả lời.
- GV yêu cầu HS viết kết quả vào bảng con.
- GV cho HS giơ bảng, nhận xét.
- GV tiếp tục yêu cầu HS lấy 5 chục que tính thêm 8 que tính rồi nữa, có tất cả bao nhiêu que tính?
- GV nhận xét câu trả lời.
- Như vậy 63 que tính nhiều hơn hay ít hơn 58 que tính?
- 6 chục que tính nhiều hơn 5 chục que tính nên 63 que tính nhiều hơn 58 que tính.
- Bây giờ cô cùng các con so sánh 63 và 58. Đầu tiên ta so sánh ở hàng chục.
- + Bạn nào cho cô biết 63 ở hàng chục là mấy?
- + 58 ở hàng chục là mấy?
- Vậy ở hàng chục là 6 so với 5 thì 6 thế nào?
- Kết luận: Vậy 6 lớn hơn 5 nên 63 lớn hơn 58, ta điền dấu gì ?
- Ngược lại nếu ta lấy 58 que tính nhiều hơn hay ít hơn 63 que tính ? Vì sao con biết

- Giống nhau (1 – 2 HS trả lời).

- Hàng đơn vị (1 – 2 HS trả lời).

- 5 đơn vị nhiều hơn 2 đơn vị (1 – 2 HS trả lời).

- Dấu lớn hơn (1 – 2 HS trả lời).

- HS quan sát.

- HS lắng nghe.

- 63 que tính (2 – 3 HS trả lời).

- HS viết bảng con.

- HS giơ bảng.

- 58 que tính (2 – 3 HS trả lời).

- Nhiều hơn (2 – 3 HS trả lời).

- HS lắng nghe.

+ 63 hàng chục là 6.

+ 58 hàng chục là 5.

- Lớn hơn (1 – 2 HS trả lời).

- Dấu lớn (2 – 3 HS trả lời).

- Ít hơn vì 5 chục que tính ít hơn 6 chục que tính nên 58 ít hơn 63 que tính (1 – 2 HS trả lời).

<ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét câu trả lời.- Bây giờ ta so sánh 58 và 63. Đầu tiên ta so sánh hai chữ số này ở hàng gì trước nào?- GV nhận xét- 58 ở hàng chục là mấy đơn vị?- 63 ở hàng chục là mấy đơn vị?- GV nhận xét- Ở hàng chục là 5 bé hơn 6 nên 58 như thế nào với số 63?- Vậy chúng ta điền dấu gì vào chỗ trống này cả lớp?- Kết luận: Khi so sánh các số có hai chữ số thì ta so sánh chữ số hàng chục trước nếu chữ số hàng chục lớn hơn thì số đó lớn và ngược lại chữ số hàng chục bé hơn thì số đó bé hơn. <p>Thư giãn: (1')</p> <p><i>Chuyển ý: Chúng ta vừa tìm hiểu xong so sánh các số có hai chữ số để khắc sâu và củng cố kiến thức cô trò chúng ta cùng nhau chuyển sang phần luyện tập.</i></p> <p>Hoạt động 2: Luyện tập – thực hành. (13’)</p> <p>Mục tiêu: Giúp HS củng cố lại cách so sánh các số có hai chữ số.</p> <p>➤ Phương pháp: trực quan, trò chơi, thực hành.</p> <p>Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 1- GV hướng dẫn HS làm bài.- GV tổ chức thi đua tiếp sức đều bài. Luật chơi: GV chia lớp làm 2 đội, mỗi đội gồm có 6 bạn, các bạn sẽ lần lượt cũng nhau hoàn thành bài tập này nhé, Lưu ý mỗi bạn chỉ được làm 1 bài.- GV nhận xét trò chơi.- Chốt: Khi ta so sánh các số có 2 chữ số mà có hàng chục giống nhau ta so sánh ở hàng đơn vị, số nào ở hàng đơn vị bé hơn thì số đó bé hơn. Với bài 15..... $10 + 5$ thì ta thực hiện phép tính cộng trước sau đó mới so sánh hai kết quả của hai số rồi điền dấu.	<ul style="list-style-type: none">- Hàng chục(1 – 2 HS trả lời).- 58 ở hàng chục là 5 đơn vị (1 – 2 HS).- 63 ở hàng chục là 6 đơn vị (1 – 2 HS).- 58 Bé hơn 63 (1 -2 HS).- Dấu bé.- HS lắng nghe.➤ Hình thức: cá nhân, nhóm.- 1 HS đọc yêu cầu- HS làm bài.- HS chơi trò chơi.
---	---

Chuyển ý: Chúng ta đã nắm được cách so sánh các số có hai chữ số, bây giờ chúng ta chuyển sang bài tập 2 để tìm số lớn nhất trong 1 nhóm.

Bài tập 2:

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập.
- GV hướng dẫn mẫu HS so sánh “ Ví dụ như ở bài a, trước tiên các con so sánh hai số 72 và 76 tìm xem số nào lớn hơn? Sau đó ta so sánh kết quả với số thứ 3, trong 3 số này số nào lớn nhất thì chúng ta khoanh vào.”
- GV cho HS làm bài.
- GV gọi 2HS lên bảng sửa bài.
- GV cho cả lớp quan sát.
- Gọi 2 HS vừa làm bài nêu cách làm bài: “ Vì sao con khoanh vào số này là số lớn nhất?”
- GV nhận xét.

Bài tập 3:

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 3.
- Bạn nào cho cô biết bài 2 và bài 3 có gì khác nhau?
- Lưu ý là ở bài 3 chúng ta khoanh vào số bé nhất nhé.
- GV gọi 2 – 4 HS sửa bài miệng.
- GV nhận xét.
- GV cho HS đọc lại kết quả
- Chốt: Bài 2 và bài 3 củng cố cho chúng ta kiến thức: Muốn tìm số lớn nhất ta nhìn vào hàng chục trước nếu hàng chục có các số giống nhau thì ta nhìn hàng đơn vị, số nào hàng đơn vị lớn hơn hoặc bé hơn thì số đó lớn hơn hoặc bé hơn.

Chuyển ý sang bài 4: Vừa rồi các con đã học về các số có hai chữ số, bây giờ lớp mình có muốn chơi trò chơi “ Ai nhanh hơn”.

Luật chơi: Trò chơi cần có 2 đội. Đội màu đỏ và đội màu xanh, mỗi đội cần có 3 bạn, các con sẽ mang vào cổ các chữ số và sẽ di chuyển theo hiệu lệnh của cô. Đội màu đỏ là 3 bạn gái, đội màu xanh là các bạn nam.

- GV cho HS chơi.
- GV nhận xét trò chơi

- 1 HS đọc.
- HS lắng nghe.
- HS làm bài.
- 2 HS sửa bài.
- Cả lớp quan sát, nhận xét.
- HS trả lời, cả lớp lắng nghe.
- HS đọc yêu cầu bài 3.
- Bài 3 yêu cầu chúng ta khoanh vào số bé nhất. (1 – 2 HS trả lời)
- Cả lớp làm bài.
- 2 – 4 HS nêu bài làm.
- HS lắng nghe.
- 3 – 4 HS đọc lại kết quả.
- HS lắng nghe.
- HS chơi trò chơi.

--	--

Hoạt động 3: Củng cố (5 phút)

- GV phổ biến cho HS chơi trò chơi: “ Ai đúng, ai sai”.
- Luật chơi: Cô đã phát cho các con 2 bông hoa, bông hoa màu đỏ thể hiện ý kiến các con không tán thành, màu xanh thể hiện các con tán thành. Các con hãy đọc câu hỏi và chọn đáp án tán thành hay không tán thành nhé.
- GV cho HS chơi trò chơi.
 - Số 46 là số có 2 chữ số
 - $65 < 35$
 - Khoanh vào số lớn nhất: 79, 57, 32
 - Số 89 là số có 1 chữ số
 - $79 > 50$
 - Khoanh vào số bé nhất: 39, 70, 10
- GV cho HS giờ hoa và sửa sai.
- GV nhận xét trò chơi.

Hoạt động 4: Dặn dò (1 phút)

- GV nhận xét tiết học, tuyên dương những bạn HS chăm chú tham gia phát biểu xây dựng bài, nhắc nhở HS chưa chú ý.
- Dặn dò HS về nhà chuẩn bị bài tiếp theo.